TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 25 - 4 - 2025
"V/v: Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Dương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thiện
Bà Nguyễn Thị Hoè

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Giang – Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 25/4/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2025/QĐ-ST ngày 03/4/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1996
Địa chỉ: Số E A, phường A, thành phố H. Vắng mặt (có trình bày xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc theo địa chỉ: R, B, 353 - 2 G, Gijang eup, G – gun, B, K (Hàn Quốc). Vắng mặt (có trình bày xin xét xử vắng mặt);

Thân nhân của bị đơn: Bà Nguyễn Thị H (mẹ anh T) – địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có trình bày xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo khởi kiện đề ngày 22/10/2024; bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T có quá trình yêu nhau và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 30/5/2019 là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh T đi làm ăn tại Hàn Quốc làm ăn. Thời gian đầu vợ chồng quan tâm, thường xuyên liên lạc thăm hỏi động viên nhau. Năm 2024, chị cũng sang Hàn Quốc để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau làm ăn, nhưng khi sang đó do công việc không suôn sẽ, áp lực về kinh tế nên vợ chồng xảy ra

mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không thể dung hoà được nên vợ chồng ly thân, nay chị về nước và xin được ly hôn anh T. Đồng thời chị đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải và giải quyết sớm vụ án, do công việc chị không thể có mặt tại Toà án nên đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt chị.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Tú A, sinh ngày 14/8/2019, hiện cháu đang sống với bà nội tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi ly hôn nguyện vọng chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 12/3/2025 gửi từ Hàn Quốc có xác nhận của Đ tại Hàn Quốc, anh Nguyễn Văn T(Bị đơn) trình bày với nội dung:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh (Nguyễn Văn T) và chị Nguyễn Thị Thùy D xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 30/5/2019. Quá trình sinh sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên quan tâm, chăm sóc nhau. Tuy nhiên, do đầu năm 2024 chị D sang Hàn Quốc để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau làm kinh tế nhưng do áp lực công việc nên vợ chồng thường xuyên mẫu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay vợ chồng đã ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tú A, sinh ngày 14/8/2019, hiện cháu đang sống với mẹ anh tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi ly anh đồng ý giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thoả thuận.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do anh đang ở nước ngoài.

Tại biên bản xác minh ngày 10/12/2024, bà Nguyễn Thị H mẹ đẻ của bị đơn anh Nguyễn Văn T, cung cấp thông tin với nội dung: Hiện tại con bà anh Nguyễn Văn T đang đi lao động tại Hàn Quốc. Bà và gia đình biết việc chị Nguyễn Thị Thùy D con dâu của bà khởi kiện về việc yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh T. Gia đình đã khuyên nhủ hai con để đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng hai con không nghe, anh T cũng đồng ý ly hôn. Về con cái vợ chồng chị D, anh T có 01 con chung là Nguyễn Tú A, sinh ngày 14/8/2019, hiện cháu đang sống với bà, sau khi ly hôn chị D có nguyện vọng xin được nuôi con, anh T cũng đồng ý, khi chị D đón con thì bà sẽ giao cháu cho chị D nuôi dưỡng. Bà đã nhận được giấy báo của Toà án triệu tập đến phiên toà nhưng do sức khoẻ, bà không thể đến được, bà xin phép được vắng mặt, đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của các con.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có văn bản số 3867/VP-DS ngày 11/11/2024 gửi Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q về việc yêu cầu cung cấp thông tin xuất nhập cảnh đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T. Tại công văn số 66/CV-PA08 ngày 03/01/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q cung cấp với nội dung anh Nguyễn Văn T đã xuất cảnh ngày 16/7/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Ngày 11/11/2024, TAND tỉnh Quảng Bình có công văn số 195/UTTP-TA gửi cho Đ tại Hàn Quốc để uỷ thác tư pháp đối với anh Nguyễn Văn T; Tại Công điện số 95/ĐSQ-LS ngày 10/01/2025 của Đ tại Hàn Quốc với nội dung đã thông báo kết quả tống đạt, niêm yết thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán;

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 5 Điều 477 BLTTDS, các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Nguyễn Văn T được thuận tình ly hôn; Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Tú A cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con chị D, anh T tự thoả thuận; Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận nên không xem xét. Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thi Thùy D, sinh năm 1996 - Địa chỉ: Số E A, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đối với anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993 - Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc theo địa chỉ: R, B, 353 - 2 G, Gijang eup, G – gun, B, K (Hàn Quốc). Do hiện nay bị đơn anh Nguyễn Văn T đang ở nước ngoài nên căn cứ khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 476 BLTTDS Toà án tỉnh Quảng Bình thụ lý vụ án theo thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án tiến hành uỷ thác tư pháp cho Đ tại Hàn Quốc để uỷ thác tư pháp đối với anh Nguyễn Văn T; Ngày 15/01/2025, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã nhận được Công điện số 95/ĐSQ-LS ngày 10/01/2025 của Đ tại Hàn Quốc với nội dung đã thông báo kết quả tống đạt/niêm yết thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán; Ngày 15/3/2025, Toà án nhận được bản tự khai của anh Nguyễn Văn T có xác nhận của Đ tại Hàn Quốc gửi về với nội dung đề nghị Toà án giải quyết việc ly hôn và anh xin giải quyết vắng mặt;

Ngày 28/3/2025, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải và đưa vụ án ra xét xử, đồng thời chị D xin được giải quyết vắng mặt.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt (chị D, anh T đều có trình bày xin xét xử vắng mặt), căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, điểm a khoản 5 Điều 477 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Nguyễn Văn T có quá trình yêu nhau và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng

Bình vào ngày 30/5/2019 trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đầu năm 2024, khi chị D cùng sang Hàn Quốc để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau làm ăn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do áp lực về kinh tế dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh T, chị D sống ly thân mỗi người mỗi nơi. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị D về nước làm thủ tục xin ly hôn. Anh Nguyễn Văn T sau khi nhận được thông báo của Toà án về việc giải quyết vụ án ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị D Vì vậy, cần căn cứ các Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị D và anh T.

2.2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tú A, sinh ngày 14/8/2019. Sau khi ly hôn chị D xin được trực tiếp nuôi con, anh T cũng đồng ý, vì vậy cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Nguyễn Tú A cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con vì chị D không có yêu cầu.

2.3. Về quan tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành uỷ thác tư pháp, xác minh, đăng tin chi phí hết 3.000.000đ, cần buộc chị D phải chịu khoản chi phí này.

[4]. Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp: Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn sơ thẩm.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, 38, 146, 147, 228, 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Tú A, sinh ngày 14/8/2019 cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (18 tuổi).

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3.Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 3.000.000đ tiền chi phí uỷ thác tư pháp, xác minh. (Chị D đã nộp đủ).

5. Về án phí, lệ phí Toà án: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí, lệ phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số: 5122 ngày 25/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. (Chị D đã nộp đủ).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thùy D được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 1 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- UBND P. An đông, tp Huế;
- UBND xã Thanh trach, h. BTrach;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dương